

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Triển

2/ Ông Ngô Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh N, sinh năm: 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, An Giang.

Tạm trú: Ấp L, Xã Đ, Huyện Đ, Tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư Tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Đào Thị Cà N, sinh năm: 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp P, xã B, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 17/4/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống với nhau vào ngày 25/6/2014, hôn nhân do quen biết và tự tìm hiểu với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ anh tự ý đem con chung là cháu Đào

Thị Tú A, sinh ngày 27/7/2015 về nhà cha mẹ ruột tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang, sinh sống từ năm 2018, vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, hiện tại vợ anh đã chung sống với người đàn ông khác và đã có con riêng.

Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị Cà N. Nhưng do không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Cà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Thị Tú A, sinh ngày 27/7/2015, hiện con đang sống với chị Đào Thị Cà N, nhưng hiện nay Cà N có chồng mới và có con với chồng sau, cháu Tú A phải đi bán vé số với bà ngoại không được đi học nên anh yêu cầu được nuôi cháu Tú A, hiện tại anh có thu nhập ổn định hàng tháng 10.000.000 đồng từ nghề lái xe du lịch cho gia đình, không yêu cầu chị Cà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đào Thị Cà N trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh N về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N thiếu sự quan tâm đến vợ con, thời gian chị mang bầu anh N và gia đình chồng bỏ bê, không quan tâm, anh N có nói chị đẻ con ra rồi sẽ đem con đi cho người khác nuôi, ngoài ra chị không hòa hợp được với gia đình chồng, vợ chồng có xảy ra cự cãi, anh N có đánh chị nhiều lần, thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, hiện tại chị đang sinh sống cùng người đàn ông khác và đã có con riêng.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đào Thị Tú A, sinh ngày 27/7/2015, hiện con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con với lý do sau: hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty xuất nhập khẩu thủy sản An M có mức lương ổn định, hằng ngày chị đi làm thì cháu Tú A được ông bà ngoại và anh chị em ruột của chị thay chị chăm sóc cháu Tú A, hiện chị đang nghỉ hộ sản nên ở nhà chăm sóc cháu Tú A, chị sẽ sắp xếp việc gia đình và chăm sóc tốt cho Tú A, cho cháu đi học chứ không đồng ý giao Tú A cho anh N nuôi vì hiện tại anh N đang làm tài xế cho gia đình, thường hay đi xa nhà khoảng 5-10 ngày mới về nhà một lần, ông bà nội thì không quan tâm gì đến cháu Tú A từ khi cháu Tú A ra đời cho đến nay.

Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh N và chị Đào Thị Cà N chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của anh N và chị Cà N đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh N và chị Cà N không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh N và chị Đào Thị Cà N là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh N và chị Cà N có 01 con chung là Đào Thị Tú A, sinh ngày 27/7/2015. Hiện nay cháu Tú A đang sống với chị Cà N. Tại phiên hòa giải ngày 26/6/2020 anh N đồng ý để chị Cà N được tiếp tục nuôi cháu Tú A, song tại phiên tòa hôm nay anh xin được nuôi cháu Tú Anh vì cho rằng anh có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con tốt hơn, chị Cà N không đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu và chị Cà N đã có gia đình mới và đã có con. Xét thấy từ nhỏ đến nay cháu Tú A sống chung với chị Cà N được chị và gia đình chăm sóc, tình cảm gắn bó, cháu Tú A vẫn phát triển bình thường, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định mặc dù điều kiện kinh tế có khó khăn hơn so với anh N. Do đó để không làm xáo trộn đến cuộc sống bình thường của cháu, nghĩ nên để chị Cà N được tiếp tục nuôi cháu Tú A là phù hợp hơn. Chị Cà N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Cà N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Trần Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh N và chị Đào Thị Cà N .

2. Về nuôi con chung: Chị Đào Thị Cà N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Đào Thị Tú A, sinh ngày 27/7/2015. Anh Trần Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tú Anh. Chị Cà N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006942 ngày 2/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về kháng cáo: Anh Trần Thanh N và chị Đào Thị Cà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện C;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa